

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: ~~457~~ /QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày ~~21~~ tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thuộc
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng
đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi
Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 27/2022/NĐ-CP ngày
19/4/2022 Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục
tiêu quốc gia; số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số
điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng
Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã
hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai
đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: Số 09/2022/NQ-HĐND ngày
07/7/2022 Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân
sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương
trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số
và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021
đến năm 2025; số 12/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 sửa đổi, bổ sung một
số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn
ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân
tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I:
từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của UBND
tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình
mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số*

và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tỉnh tại Công văn số 650/BDT-CSDT ngày 04/6/2024 và Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 993/SKHĐT-KGVX ngày 14/6/2024 và ý kiến thống nhất của thành viên UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 19/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi là 5,028 tỷ đồng (gồm ngân sách Trung ương là 3,749 tỷ đồng, ngân sách địa phương là 1,279 tỷ đồng), trong đó:

+ Điều chỉnh nội bộ giữa các tiểu dự án, dự án thành phần của các đơn vị đầu mối giao kế hoạch, các chủ đầu tư là 4,379 tỷ đồng (gồm ngân sách Trung ương là 3,100 tỷ đồng, ngân sách địa phương là 1,279 tỷ đồng).

+ Điều chỉnh vốn giữa các đơn vị đầu mối giao kế hoạch nguồn ngân sách Trung ương là 0,649 tỷ đồng.

(Chi tiết theo các Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Căn cứ kế hoạch vốn được điều chỉnh và giao tại Điều 1 của Quyết định này, các đơn vị đầu mối giao kế hoạch, các chủ đầu tư chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các nhiệm vụ:

a) Khẩn trương phân bổ vốn đầu tư công cho các cơ quan, đơn vị, các xã sử dụng vốn đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số: 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 và số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ, các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh quy trình, thủ tục, tiến độ thực hiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đôn đốc giải ngân, đảm bảo hoàn thành giải ngân vốn được giao trong kế hoạch. Đến thời hạn giải ngân theo quy định của Trung ương, nếu dự án nào không giải ngân hết kế hoạch vốn, bị cắt vốn thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương đó chịu hoàn toàn trách nhiệm.

c) Thực hiện bố trí đủ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương; lồng ghép các nguồn vốn và thực hiện các giải pháp huy động các nguồn lực khác tại địa phương để thực hiện Chương trình theo quy định.

d) Báo cáo việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 về Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ban Dân tộc tỉnh trong vòng 30 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định này.

2. Giao Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan hướng dẫn các huyện lập kế hoạch thực hiện Chương trình, lựa chọn công trình thuộc dự án, tiểu dự án đúng mục tiêu, đối tượng.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đôn đốc tình hình triển khai kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình tại các sở, ban, ngành tỉnh, các huyện được giao kế hoạch đầu tư công.

4. Sở Tài chính chịu trách nhiệm thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, đảm bảo nguồn vốn thanh toán; hướng dẫn, đôn đốc thực hiện quyết toán công trình hoàn thành theo quy định hiện hành.

5. Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi chịu trách nhiệm quản lý, cấp phát, thanh toán vốn đầu tư theo quy định hiện hành và kế hoạch vốn được UBND tỉnh giao.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, các nội dung khác tại Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của UBND tỉnh về giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 không được điều chỉnh tại Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

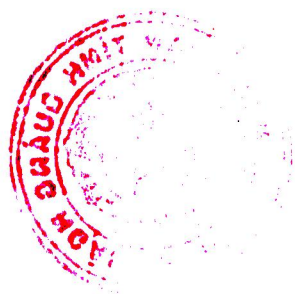
Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo; Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi và Thủ trưởng các đơn vị được giao kế hoạch đầu tư công năm 2024 tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, các phòng Ng/cứu;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT, KGVX_{VHTin264}.



Trần Hoàng Tuấn



PHỤ LỤC 1

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, GIAI ĐOẠN I: 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Dự án/ đơn vị thực hiện	Kế hoạch trạng thái giai đoạn 2021-2025 đã được cấp thẩm quyền giao			Kế hoạch vốn đầu tư công đã phân bổ năm 2024				Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách trung ương			Ngân sách tỉnh			
			NSTW	Ngân sách tỉnh		NSTW	Ngân sách tỉnh		Tổng vốn	Tăng	Giảm	Tổng vốn	Tăng	Giảm	
	TỔNG CỘNG	1.216.317	1.105.696	110.621	323.640	294.635	29.005	323.640	294.635	3.749	3.749	29.005	1.279	1.279	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	206.762	187.965	18.797	55.293	50.271	5.022	55.293	50.271	649	649	5.022			
1.1	Huyện Sơn Hà	51.010	46.372	4.638	13.533	12.303	1.230	13.712	12.482	179		1.230			
1.2	Huyện Sơn Tây	43.944	39.949	3.995	8.533	7.758	775	8.646	7.871	113		775			
1.3	Huyện Trà Bồng	52.492	47.720	4.772	22.553	20.503	2.050	22.853	20.803	300		2.050			
1.4	Huyện Ba Tơ	39.636	36.033	3.603	6.427	5.848	579	5.778	5.199	-	649	579			
1.5	Huyện Minh Long	14.919	13.563	1.356	3.193	2.903	290	3.235	2.945	42		290			
1.6	Huyện Tư Nghĩa	4.027	3.661	366	959	872	87	974	887	15		87			
1.7	Huyện Nghĩa Hành	734	667	67	95	84	11	95	84	-		11			
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	142.436	129.487	12.949	45.035	41.541	3.494	42.285	38.441	-	3.100	3.844	660	310	
2.1	Huyện Sơn Hà	30.419	27.654	2.765	8.207	7.461	746	8.207	7.461	-	-	746	-	-	
2.2	Huyện Sơn Tây	38.936	35.396	3.540	14.806	13.851	955	15.236	13.851	-	-	1.385	430	-	
2.3	Huyện Trà Bồng	32.624	29.658	2.966	11.103	10.303	800	11.333	10.303	-	-	1.030	230	-	
2.4	Huyện Ba Tơ	29.050	26.409	2.641	7.839	7.126	713	4.429	4.026		3.100	403		310	
2.5	Huyện Minh Long	11.407	10.370	1.037	3.080	2.800	280	3.080	2.800			280			
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	37.212	34.339	2.873	25.462	22.867	2.595	25.153	22.867	-	-	2.286	-	309	
	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư	37.212	34.339	2.873	25.462	22.867	2.595	25.153	22.867	-	-	2.286	-	309	
3.1	Huyện Trà Bồng	37.212	34.339	2.873	25.462	22.867	2.595	25.153	22.867			2.286		309	Điều chỉnh giảm chuyển sang TDA 1, DA 4

STT	Dự án/ đơn vị thực hiện	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được cấp thẩm quyền giao			Kế hoạch vốn đầu tư công đã phân bố năm 2024			Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024					Ghi chú		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách trung ương			Ngân sách tỉnh			
			NSTW	Ngân sách tỉnh		NSTW	Ngân sách tỉnh		Tổng vốn	Tăng	Giảm	Tổng vốn		Tăng	Giảm
4	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	628.082	570.984	57.098	144.432	131.621	12.811	148.151	134.721	3.100	-	13.430	619	-	
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN	628.082	570.984	57.098	144.432	131.621	12.811	148.151	134.721	3.100	-	13.430	619	-	
4.1	Huyện Sơn Hà	125.355	113.959	11.396	34.488	31.353	3.135	34.488	31.353	-	-	3.135	-	-	
4.2	Huyện Sơn Tây	121.741	110.674	11.067	26.756	24.334	2.422	26.756	24.334	-	-	2.422	-	-	
4.3	Huyện Trà Bồng	164.532	149.575	14.957	25.228	23.232	1.996	25.537	23.232	-	-	2.305	309	-	Điều chỉnh tăng từ TDA2, DA3
4.4	Huyện Ba Tơ	176.515	160.468	16.047	47.901	43.560	4.341	51.311	46.660	3.100	-	4.651	310	-	
4.5	Huyện Minh Long	36.981	33.619	3.362	9.197	8.361	836	9.197	8.361	-	-	836	-	-	
4.6	Huyện Nghĩa Hành	2.958	2.689	269	862	781	81	862	781	-	-	81	-	-	
5	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	143.915	130.240	13.675	27.898	24.800	3.098	27.238	24.800	-	-	2.438	-	660	
	Tiểu Dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS	143.915	130.240	13.675	27.898	24.800	3.098	27.238	24.800	-	-	2.438	-	660	
5.1	Phân bổ cho các sở, ban ngành hội đoàn thể (theo tỷ lệ %)	14.978	13.024	1.954	2.931	2.776	155	2.931	2.776	-	-	155	-	-	
5.1.1	Sở Giáo dục và Đào tạo	14.978	13.024	1.954	2.931	2.776	155	2.931	2.776	-	-	155	-	-	
5.2	Phân bổ cho các huyện (theo tiêu chí)	128.937	117.216	11.721	24.967	22.024	2.943	24.307	22.024	-	-	2.283	-	660	
5.2.1	Huyện Sơn Hà	12.624	11.476	1.148	973	807	166	973	807	-	-	166	-	-	
5.2.2	Huyện Sơn Tây	40.190	36.536	3.654	6.796	5.788	1.008	6.366	5.788	-	-	578	-	430	Điều chỉnh giảm chuyển sang DA 2
5.2.3	Huyện Trà Bồng	39.218	35.654	3.564	8.528	7.544	984	8.298	7.544	-	-	754	-	230	Điều chỉnh giảm chuyển sang DA 2
5.2.4	Huyện Ba Tơ	19.961	18.146	1.815	4.702	4.275	427	4.702	4.275	-	-	427	-	-	
5.2.5	Huyện Minh Long	16.944	15.404	1.540	3.968	3.610	358	3.968	3.610	-	-	358	-	-	
6	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	22.941	20.501	2.440	4.289	3.901	388	4.289	3.901	-	-	388	-	-	Không điều chỉnh
7	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	34.969	32.180	2.789	21.231	19.634	1.597	21.231	19.634	-	-	1.597	-	-	Không điều chỉnh

PHỤ LỤC 1.1

ĐIỀU CHỈNH NỘI BỘ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG BÀO ĐÀN TỎA THÉP/THIẾT SỔ VÀ MIỀN NÚI TỈNH QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, GIAI ĐOẠN I: 2021-2025

Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh
Đơn vị: UBND huyện Sơn Tây
(Kèm theo Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Dự án/ đơn vị thực hiện	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được cấp thẩm quyền giao				Kế hoạch vốn đầu tư công đã phân bổ năm 2024				Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách trung ương			Ngân sách tỉnh				
			NSTW	Ngân sách tỉnh		NSTW	Ngân sách tỉnh		Tổng vốn	Tăng	Giảm	Tổng vốn	Tăng	Giảm		
TỔNG CỘNG		80.060	72.782	7.278	21.602	19.639	1.963	21.602	19.639	-	-	1.963	430	430		
1	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	38.936	35.396	3.540	14.806	13.851	955	15.236	13.851	-	-	1.385	430	-		
2	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	41.124	37.386	3.738	6.796	5.788	1.008	6.366	5.788	-	-	578	-	430		



PHỤ LỤC 1.2

ĐIỀU CHỈNH NỘI BỘ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG BÀO ĐÀO TẠO THIÊN SỞ VÀ MIỀN NÚI TỈNH QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, GIAI ĐOẠN I: 2021-2025


(Kèm theo Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh)
Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh
Đơn vị: UBND huyện Trà Bồng

DVT: Triệu đồng

STT	Dự án/ đơn vị thực hiện	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được cấp thẩm quyền giao				Kế hoạch vốn đầu tư công đã phân bổ năm 2024				Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách trung ương			Ngân sách tỉnh				
			NSTW	Ngân sách tỉnh		NSTW	Ngân sách tỉnh		Tổng vốn	Tăng	Giảm	Tổng vốn	Tăng	Giảm		
TỔNG CỘNG		269.898	245.872	24.026	70.321	63.946	6.375	70.321	63.946	-	-	6.375	539	539		
1	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	32.624	29.658	2.966	11.103	10.303	800	11.333	10.303	-	-	1.030	230	-		
2	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	37.212	34.339	2.873	25.462	22.867	2.595	25.153	22.867	-	-	2.286	-	309		
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	159.932	145.393	14.539	25.228	23.232	1.996	25.537	23.232	-	-	2.305	309			
4	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	40.130	36.482	3.648	8.528	7.544	984	8.298	7.544	-	-	754	-	230		



PHỤ LỤC 1.3

ĐIỀU CHỈNH NỘI BỘ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, GIAI ĐOẠN I: 2021-2025


Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh
Đơn vị: UBND huyện Ba To
(Kèm theo Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Dự án/ đơn vị thực hiện	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được cấp thẩm quyền giao				Kế hoạch vốn đầu tư công đã phân bổ năm 2024				Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách trung ương			Ngân sách tỉnh				
			NSTW	Ngân sách tỉnh		NSTW	Ngân sách tỉnh		Tổng vốn	Tăng	Giảm	Tổng vốn	Tăng	Giảm		
TỔNG CỘNG																
1	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	220.861	200.783	20.078	55.740	50.686	5.054	55.740	50.686	3.100	3.100	5.054	310	310		
		29.050	26.409	2.641	7.839	7.126	713	4.060	4.026		3.100	403		310		
2	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	191.811	174.374	17.437	47.901	43.560	4.341	51.680	46.660	3.100		4.651	310	-		

